

Số: 2900/TB-CHP
V/v công bố Báo cáo tài chính
bán niên năm 2024 đã soát xét

Hải Phòng, ngày 21 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cảng Hải Phòng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Mã chứng khoán: PHP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Điện thoại liên hệ: 0225.3859945

Fax: 0225.3859973

Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn

Website: <https://haiphongport.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét

- Báo cáo tài chính riêng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét 6 tháng năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 21/8/2024 tại đường dẫn: <https://haiphongport.com.vn/vi/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét.
- Công văn số *2898* /CHP-TCKT ngày *21* /8/2024 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2024.
- Công văn số *2899* /CHP-TCKT ngày *21* /8/2024 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC bán niên năm 2024 đã được soát xét.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (đề báo cáo)
- Lưu: VT, TKCT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tường Anh

Số: 81/NQ-CHP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét
của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-CHP ngày 29/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty
cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty
cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-CHP ngày 29/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty
cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công
ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 2802/TTr-CHP ngày 16/8/2024 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần
Cảng Hải Phòng về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét;

Căn cứ Bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng
Hải Phòng số 131/THYK-HĐQT ngày 20/8/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thông
qua nội dung và chấp thuận công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét
của Cảng Hải Phòng (gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và giải
trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2024, giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm
toán trong Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét theo đề xuất của Tổng
Giám đốc tại Tờ trình số 2802/TTr-CHP ngày 16/8/2024.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn
được quy định trong Điều lệ, các Quy chế của Cảng Hải Phòng và pháp luật hiện hành thực
hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban KTNB;
- P.TCKT;
- Lưu: TKCT.



Phạm Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban (Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Vũ Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban (Bỏ nhiệm từ ngày 01/02/2024)
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 15/02/2024)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 01/02/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà (Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2024).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 30/7/2024, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ký Hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐHTKD với SITC (HK) Limited và Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) chuyên kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hậu cần tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng với tổng mức đầu tư 20.000.000 USD (Hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó Công ty góp 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương ứng 20% vốn Điều lệ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng ngoài thông tin trên, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024, từ trang 07 đến trang 55 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đang nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2024.

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty (đính kèm).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.160.843.406.434	3.080.149.353.524
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	591.811.385.357	198.481.615.722
Tiền	111		107.189.187.924	85.881.615.722
Các khoản tương đương tiền	112		484.622.197.433	112.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.1	1.607.104.000.000	1.963.998.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.607.104.000.000	1.963.998.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		689.578.174.572	686.943.232.727
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	305.961.632.134	247.894.495.258
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	209.484.913.578	210.344.692.764
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	209.933.598.373	264.054.474.748
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(35.801.969.513)	(35.350.430.043)
Hàng tồn kho	140	9	112.835.843.478	103.657.874.839
Hàng tồn kho	141		112.835.843.478	103.657.874.839
Tài sản ngắn hạn khác	150		159.514.003.027	127.068.630.236
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	34.521.385.271	18.785.814.008
Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	122.870.341.617	105.511.961.546
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.122.276.139	2.770.854.682
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.464.119.368.453	3.998.832.422.964
Các khoản phải thu dài hạn	210		107.986.000	122.986.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	107.986.000	122.986.000
Tài sản cố định	220		1.927.478.705.200	1.975.271.207.436
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.920.872.489.695	1.967.893.459.474
- Nguyên giá	222		7.360.369.251.453	7.373.370.104.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.439.496.761.758)	(5.405.476.645.196)
Tài sản cố định vô hình	227	14	6.606.215.505	7.377.747.962
- Nguyên giá	228		43.743.651.950	43.682.888.899
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.137.436.445)	(36.305.140.937)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	2.119.385.799.710	1.621.046.769.023
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.119.385.799.710	1.621.046.769.023
Đầu tư tài chính dài hạn	250		330.406.618.477	316.727.616.827
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	312.766.256.315	300.548.385.677
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	17.640.362.162	17.640.362.162
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	-	(1.461.131.012)
Tài sản dài hạn khác	260		86.740.259.066	85.663.843.678
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	72.106.643.230	71.430.061.696
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.633.615.836	14.233.781.982
TỔNG TÀI SẢN	270		7.624.962.774.887	7.078.981.776.488

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.833.365.719.916	1.343.392.680.436
Nợ ngắn hạn	310		1.332.410.579.113	819.416.783.580
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	328.805.845.435	175.280.784.362
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.212.554.505	3.635.699.583
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	86.270.587.679	55.309.394.396
Phải trả người lao động	314		162.813.550.264	211.278.840.353
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	233.706.909.896	223.390.146.403
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.421.793.400	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	398.759.221.789	70.124.312.770
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	23.024.994.993	26.112.719.131
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	16.018.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		83.395.121.152	38.266.886.582
Nợ dài hạn	330		500.955.140.803	523.975.896.856
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	491.221.758.832	514.726.735.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		9.733.381.971	9.249.161.528
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.791.597.054.971	5.735.589.096.052
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.791.597.054.971	5.735.589.096.052
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		52.543.979.726	63.049.858.714
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.803.205.604.913	1.423.444.017.672
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		551.318.506.973	844.224.801.999
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		237.424.087.486	276.988.376.703
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		313.894.419.487	567.236.425.296
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		728.230.654.468	748.572.108.776
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.624.962.774.887	7.078.981.776.488

Hải Phòng, ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu



Đào Phương Mai

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.231.185.102.757	1.027.697.241.298
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.231.185.102.757	1.027.697.241.298
Giá vốn hàng bán	11	23	751.786.090.677	584.819.771.255
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		479.399.012.080	442.877.470.043
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	64.009.031.730	109.468.989.122
Chi phí tài chính	22	25	9.167.715.583	6.637.692.716
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.013.666.250	3.425.922.059
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		24	36.724.643.045	36.125.938.159
Chi phí bán hàng		25	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	95.980.995.733	89.268.244.407
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		474.983.975.539	492.566.460.201
Thu nhập khác	31	26	21.494.506.757	136.748.102.189
Chi phí khác	32	27	239.255.027	66.942.593.656
Lợi nhuận khác	40		21.255.251.730	69.805.508.533
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		496.239.227.269	562.371.968.734
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	92.128.721.379	93.582.381.350
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	84.386.590	13.173.330.920
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		404.026.119.300	455.616.256.464
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		313.894.419.487	332.218.532.731
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		90.131.699.813	123.397.723.733
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	960	1.016
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	960	1.016

Hải Phòng, ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Đào Phương Mai

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	496.239.227.269	562.371.968.734
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	108.868.282.392	100.068.005.379
Các khoản dự phòng	03	(17.027.591.542)	(4.363.493.139)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.503.826.205)	(12.730.725.266)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(91.827.157.443)	(127.333.595.565)
Chi phí lãi vay	06	3.013.666.250	3.425.922.059
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	484.762.600.721	521.438.082.202
trước thay đổi vốn lưu động			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(65.854.348.377)	129.302.580.012
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.177.968.639)	(13.309.694.692)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	419.671.224.383	(96.494.775.173)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(16.412.152.797)	7.497.020.677
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.148.765.140)	(1.562.029.212)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.582.645.986)	(59.161.815.800)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.319.681	43.606.638
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(81.522.523.336)	(41.844.821.197)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	663.777.740.510	445.908.153.455
kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(559.504.831.634)	(687.345.863.186)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	20.547.055.000	1.437.382.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.564.406.000.000)	(2.007.630.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.921.300.000.000	1.801.920.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	24.798.900.000	19.124.640.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.740.922.596	97.107.786.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30	(78.523.954.038)	(775.386.054.671)
tư			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.486.577.604)	(13.841.035.208)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(179.735.950.000)	(28.576.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(192.222.527.604)	(13.869.611.208)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	393.031.258.868	(343.347.512.424)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	198.481.615.722	682.687.029.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	298.510.767	690.657.232
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	591.811.385.357	340.030.173.962

Hải Phòng, ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Đào Phương Mai

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 11 ngày 11/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2023 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 2.429 người (tại ngày 31/12/2023 là 2.911 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	60,00%	60,00%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai đất, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 05 Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	16 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
Công ty Cổ Phần HPH Logistics	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp):

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	Số 1, Đường Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	32,24%	32,24%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	Số 1, Đường Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Lô CN 3.2 F, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	49,00%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Q Hải An, TP. Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Số 05 Chùa Vẽ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container
Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất

được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 08 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là dự án 02 bến container số 3, 4 cảng cửa ngõ Lạch Huyện và các công trình khác, bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 - 3 năm.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	893.756.105	655.841.376
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	106.295.431.819	85.225.774.346
- Các khoản tương đương tiền	484.622.197.433	112.600.000.000
Cộng	591.811.385.357	198.481.615.722

(*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng, Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	1.607.104.000.000	1.607.104.000.000	1.963.998.000.000	1.963.998.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	1.607.104.000.000	1.607.104.000.000	1.963.998.000.000	1.963.998.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.607.104.000.000	1.607.104.000.000	1.963.998.000.000	1.963.998.000.000

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	15.459.231.150	-	(*)	15.459.231.150	-	(*)
+ Công ty CP VIMC Logistics	2.181.131.012	-	(*)	2.181.131.012	(1.461.131.012)	(*)
Cộng	17.640.362.162	-	(*)	17.640.362.162	(1.461.131.012)	(*)

(*) Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Phần chia	Giá trị theo	Giá gốc	Phần chia	Giá trị theo
	VND	lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND	VND	lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND
+ Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	-	6.300.000.000	(6.300.000.000)	-
+ Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	-	5.518.034.429	(5.518.034.429)	-
+ Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	(1.397.958.750)	1.602.041.250	3.000.000.000	(1.321.896.598)	1.678.103.402
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	(4.131.657.874)	21.157.545.161	25.289.203.035	(240.506.581)	25.048.696.454
+ Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	1.509.501.173	32.949.501.173	31.440.000.000	559.714.649	31.999.714.649
+ Công ty CP HPH Logistics	11.596.000.000	2.269.617.972	13.865.617.972	11.596.000.000	4.568.948.515	16.164.948.515
+ Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	12.528.000.000	10.997.736.350	23.525.736.350	12.528.000.000	8.852.249.716	21.380.249.716
+ Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	103.027.411.229	116.638.403.180	219.665.814.409	123.627.173.950	80.649.498.991	204.276.672.941
Cộng	198.698.648.693	114.067.607.622	312.766.256.315	219.298.411.414	81.249.974.263	300.548.385.677

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	305.961.632.134	(35.727.967.013)	247.894.495.258	(35.276.427.543)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>15.856.622.773</i>	<i>(3.595.391.007)</i>	<i>15.602.779.323</i>	<i>(3.447.478.567)</i>
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	491.538.880	-	32.151.600	-
- Công ty CP HPH Logistic	4.589.113.419	-	4.455.304.425	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.595.391.007	(3.595.391.007)	3.447.478.567	(3.447.478.567)
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	5.111.326.829	-	4.799.514.453	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	-	-	106.818.480	-
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	71.928.000	-	78.037.141	-
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	1.997.324.638	-	261.426.912	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	2.422.047.745	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>290.105.009.361</i>	<i>(32.132.576.006)</i>	<i>232.291.715.935</i>	<i>(31.828.948.976)</i>
- Ocean Network Express Pte., Ltd	15.342.947.005	-	13.000.144.749	-
- Wan Hai Lines	6.408.686.004	-	3.987.319.186	-
- Maersk Lines A/S	27.602.586.279	-	26.382.828.462	-
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	20.068.528.095	-	16.210.919.419	-
- Công ty CP Vận tải 1 Traco	2.109.478.032	-	3.573.072.043	-
- SITC Container Lines Co., Ltd	51.153.557.869	-	32.427.170.314	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	9.930.305.723	(9.930.305.723)
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Vận tải Thành Trang	5.032.987.190	(5.032.987.190)	5.032.987.190	(5.032.987.190)
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	4.351.071.819	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	6.628.866.818	(6.628.866.818)
- Các khách hàng khác	141.475.994.527	(10.540.416.275)	115.118.102.031	(10.236.789.245)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	305.961.632.134	(35.727.967.013)	247.894.495.258	(35.276.427.543)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	209.484.913.578	(74.002.500)	210.344.692.764	(74.002.500)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>191.827.400</i>	<i>-</i>	<i>383.654.800</i>	<i>-</i>
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	191.827.400	-	383.654.800	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>209.293.086.178</i>	<i>(74.002.500)</i>	<i>209.961.037.964</i>	<i>(74.002.500)</i>
- Mitsui E&S Co., Ltd (*)	190.746.186.888	-	190.746.186.888	-
- Công ty TNHH L&D Auto	3.911.580.000	-	3.911.580.000	-
- Công ty Cổ phần OSHICO	2.019.515.922	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	12.615.803.368	(74.002.500)	15.303.271.076	(74.002.500)
Cộng	209.484.913.578	(74.002.500)	210.344.692.764	(74.002.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	209.933.598.373	-	264.054.474.748	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.457.236.955	-	52.841.837.432	-
- Tạm ứng	593.005.561	-	353.368.201	-
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	2.469.242.177	-	3.143.564.160	-
- Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (*)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
- Phải thu khác	8.180.849.919	-	13.482.441.194	-
b) Dài hạn	107.986.000	-	122.986.000	-
- Phải thu người lao động	107.986.000	-	122.986.000	-
Cộng	210.041.584.373	-	264.177.460.748	-

(*) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	94.108.470.092	-	87.761.095.769	-
- Công cụ, dụng cụ	18.338.385.552	-	15.590.538.194	-
- Hàng hóa	388.987.834	-	306.240.876	-
Cộng	112.835.843.478	-	103.657.874.839	-

10. NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán					
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	9.930.305.723	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	6.628.866.818	6.628.866.818	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	5.032.987.190	-	5.032.987.190	5.032.987.190	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.595.391.007	-	3.595.391.007	3.447.478.567	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu	965.762.010	-	965.762.010	965.762.010	-
- Công ty CP Thương mại dịch vụ và Vận tải Trọng Tín	915.035.424	-	915.035.424	915.035.424	-
- Các đối tượng khác	9.119.679.534	386.058.193	8.733.621.341	9.087.146.612	657.152.301
Cộng	36.188.027.706	386.058.193	35.801.969.513	36.007.582.344	657.152.301
					35.350.430.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	2.118.925.382.202	1.620.586.351.515
- Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng (*)	2.115.534.918.851	1.618.005.587.322
- Các công trình khác	3.390.463.351	2.580.764.193
Mua sắm tài sản cố định	460.417.508	460.417.508
- Mua sắm Tài sản cố định	460.417.508	460.417.508
Cộng	<u>2.119.385.799.710</u>	<u>1.621.046.769.023</u>

(*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rồng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại công cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2024:

Gói thầu EC: Tổng khối lượng thi công đạt khoảng 82%, cụ thể:

- Bến container số 3 và số 4: Hoàn thành
- Kè sau cầu: Hoàn thành.
- Bến sà lan: Cơ bản hoàn thành, hiện nay chưa thi công thảm asphalt một phần do lấy mặt bằng thi công bến công vụ.
- Bến công vụ (đạt khoảng 45%): Thi công cọc cừ đạt 138/167 cừ, đóng cọc D600 đạt 184/336 cọc; đúc mũ cọc đạt 162/162 cấu kiện, đúc vỏ dầm đúc sẵn đạt 302/302 cấu kiện, đúc tấm bản đúc sẵn đạt 156/156 cấu kiện.
- Hạng mục san lấp: Hoàn thành (trừ khu vực V7, V8 giáp bến công vụ đang thi công).
- Hạng mục xử lý nền đạt khoảng 95% lượng gia tải, cụ thể như sau: Các khu vực đã hoàn thành dỡ tải: V12, V13; Các khu vực chuẩn bị dỡ tải: S1, V9, V10, V11; Các khu vực đang gia tải: S2, S3, S4, S5, S6, S7, S8, S9, V1, V2, V3; Các khu vực đang chất tải: V4, V5, V6, S10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG (TIẾP)

- Hạng mục Đường bãi: tiến hành thi công đúc sẵn các cầu kiện Gối kê container: 741/3033ck, bó vĩa: 4410/8810ck, chuẩn bị sẵn các mỏ vật liệu cát, đá dăm, đất đồi cho công tác thi công đường bãi.

- Hạng mục Hệ thống thoát nước mặt: Tiến hành thi công đúc sẵn các cầu kiện Rãnh B1000 đạt 153/153ck (100%), Rãnh B700 đạt 163/387ck (42%), Rãnh B500 đạt 366/728ck (50%). Tiến hành thi công tuyến Rãnh B1000 dọc theo tuyến giáp Bến số 2.

- Nạo vét: Thực hiện các thủ tục vị trí đổ thải, lấp đặt đê quây.

Gói thầu TB01 “Cung cấp 06 STS và 24 RTG”: Hoàn thành lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng ngày 02/6/2023. HĐQT đã phê duyệt thiết kế chi tiết. Thực hiện triển khai chế tạo.

Hệ thống Công nghệ thông tin:

+ Hoàn thành lựa chọn nhà thầu, ký hợp Gói TB06: Mua sắm phần mềm và ứng dụng quản lý, khai thác container.

+ Hoàn thành đánh giá HS yêu cầu Gói thầu “Mua sắm hàng hoá, thiết bị, phần mềm nội bộ cơ sở dữ liệu và thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT”.

Các công trình còn lại ngoài EC và Hệ thống PCCC: lựa chọn nhà thầu thi công (gói thầu XL02).

Hệ thống cấp Điện: Trình Hội đồng quản trị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, rà soát điều chỉnh theo ý kiến thẩm định. Phát hành thông báo mời quan tâm (Gói XL01).

Hệ thống PCCC: Trình Hội đồng quản trị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	34.521.385.271	18.785.814.008
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.391.725.770	9.946.116.353
- Chi phí bảo hiểm	5.490.011.578	2.760.753.143
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, nạo vét	11.429.226.814	4.022.423.114
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.210.421.109	2.056.521.398
b) Dài hạn	72.106.643.230	71.430.061.696
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.175.459.538	16.888.865.825
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	31.877.811.873	28.040.331.387
- Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	25.209.099.739	25.650.284.801
- Các khoản khác	844.272.080	850.579.683
Cộng	106.628.028.501	90.215.875.704

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	2.779.507.384.949	899.202.374.442	3.584.166.431.606	110.493.913.673	7.373.370.104.670
- Mua trong kỳ	-	385.000.000	56.524.192.592	4.040.553.045	60.949.745.637
- Tặng khác	21.801.909	-	-	133.490.350	155.292.259
- Thanh lý, nhượng bán	-	(74.063.426.385)	-	(42.464.728)	(74.105.891.113)
- Phân loại lại	-	3.135.681.931	-	(3.135.681.931)	-
30/06/2024	<u>2.779.529.186.858</u>	<u>828.659.629.988</u>	<u>3.640.690.624.198</u>	<u>111.489.810.409</u>	<u>7.360.369.251.453</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(1.895.981.668.938)	(675.145.655.424)	(2.762.591.104.590)	(71.758.216.244)	(5.405.476.645.196)
- Khấu hao trong kỳ	(29.047.617.439)	(23.001.043.491)	(51.626.980.530)	(4.450.366.215)	(108.126.007.675)
- Thanh lý, nhượng bán	-	74.063.426.385	-	42.464.728	74.105.891.113
- Phân loại lại	-	(2.458.457.427)	-	2.458.457.427	-
30/06/2024	<u>(1.925.029.286.377)</u>	<u>(626.541.729.957)</u>	<u>(2.814.218.085.120)</u>	<u>(73.707.660.304)</u>	<u>(5.439.496.761.758)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	<u>883.525.716.011</u>	<u>224.056.719.018</u>	<u>821.575.327.016</u>	<u>38.735.697.429</u>	<u>1.967.893.459.474</u>
30/06/2024	<u>854.499.900.481</u>	<u>202.117.900.031</u>	<u>826.472.539.078</u>	<u>37.782.150.105</u>	<u>1.920.872.489.695</u>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 3.335.498.581.722 đồng, tại ngày 01/01/2024 là 3.328.552.647.901 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

- Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ VND (giá trị còn lại đến hết ngày 30/06/2024 là 150,47 tỷ đồng). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.
- Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.
- Từ ngày 01/01/2020, Công ty đã tạm dừng trích khấu hao đối với các tài sản này. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34.1).

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	43.682.888.899	43.682.888.899
- Mua trong kỳ	60.763.051	60.763.051
30/06/2024	<u>43.743.651.950</u>	<u>43.743.651.950</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(36.305.140.937)	(36.305.140.937)
- Khấu hao trong kỳ	(832.295.508)	(832.295.508)
30/06/2024	<u>(37.137.436.445)</u>	<u>(37.137.436.445)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>7.377.747.962</u>	<u>7.377.747.962</u>
30/06/2024	<u>6.606.215.505</u>	<u>6.606.215.505</u>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 31.632.101.438 đồng, tại ngày 01/01/2024 là 32.477.101.438 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	328.805.845.435	328.805.845.435	175.280.784.362	175.280.784.362
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.219.808.409</i>	<i>1.219.808.409</i>	<i>797.303.132</i>	<i>797.303.132</i>
- Công ty CP HPH Logistics	239.620.463	239.620.463	16.053.552	16.053.552
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	327.056.386	327.056.386	-	-
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	21.000.000	21.000.000	-	-
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	-	-	186.444.720	186.444.720
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP- Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	632.131.560	632.131.560	594.804.860	594.804.860
<i>Phải trả người bán khác</i>	<i>327.586.037.026</i>	<i>327.586.037.026</i>	<i>174.483.481.230</i>	<i>174.483.481.230</i>
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	235.773.352.552	235.773.352.552	63.903.573.180	63.903.573.180
- Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVOIL Hải Phòng	9.425.226.230	9.425.226.230	8.192.258.180	8.192.258.180
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ An Thái Hưng	8.118.349.741	8.118.349.741	8.554.924.115	8.554.924.115
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	2.956.600.245	2.956.600.245	2.956.600.245	2.956.600.245
- Phải trả các nhà cung cấp khác	71.312.508.258	71.312.508.258	90.876.125.510	90.876.125.510
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	328.805.845.435	328.805.845.435	175.280.784.362	175.280.784.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.946.465.612	33.312.792.010	32.935.783.309	2.323.474.313
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.524.142.921	92.128.721.379	66.582.645.987	64.070.218.313
- Thuế thu nhập cá nhân	814.806.902	26.636.751.521	26.860.314.135	591.244.288
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.023.978.961	27.405.886.804	22.144.215.000	19.285.650.765
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	85.041.006	85.041.006	-
Cộng	55.309.394.396	179.569.192.720	148.607.999.437	86.270.587.679
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.486.629	1	-	2.486.628
- Thuế thu nhập cá nhân	578.179.653	(1.541.609.858)	-	2.119.789.511
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.190.188.400	2.190.188.400	-	-
Cộng	2.770.854.682	648.578.543	-	2.122.276.139

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	23.024.994.993	23.024.994.993	12.486.577.604	15.574.301.742	26.112.719.131	26.112.719.131
Vay dài hạn đến hạn trả	23.024.994.993	23.024.994.993	12.486.577.604	15.574.301.742	26.112.719.131	26.112.719.131
Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)	23.024.994.993	23.024.994.993	12.486.577.604	15.574.301.742	26.112.719.131	26.112.719.131
Vay dài hạn	491.221.758.832	491.221.758.832	-	23.504.976.496	514.726.735.328	514.726.735.328
Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)	107.891.528.245	107.891.528.245	-	23.504.976.496	131.396.504.741	131.396.504.741
Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 bãi container, bến Cảng Chùa Vẽ (2)	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
Cộng	514.246.753.825	514.246.753.825	12.486.577.604	39.079.278.238	540.839.454.459	540.839.454.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 30/06/2024, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 862.711.850,00 JPY (tương đương 130.916.523.238 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 23.024.994.993 VND).

- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	233.706.909.896	223.390.146.403
- Chi phí lãi vay phải trả (*)	223.219.242.324	221.354.341.214
- Chi phí nhân viên thuê ngoài	52.745.617	84.277.919
- Chi phí phải trả khác	10.434.921.955	1.951.527.270
Cộng	233.706.909.896	223.390.146.403

(*) Chi phí lãi vay của khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung. Tại ngày 30/6/2024, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34.1).

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	398.759.221.789	70.124.312.770
- Kinh phí công đoàn	770.912.100	767.981.694
- Bảo hiểm xã hội	2.861.223	15.766.381
- Bảo hiểm y tế	1.131.316	1.131.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.224.541	504.711
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.538.832.850	51.290.782.850
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	4.971.769.000	12.328.884.200
- Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (*)	298.828.197.433	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.632.293.326	5.719.261.618
b) Dài hạn	-	-
Cộng	398.759.221.789	70.124.312.770

(*) Căn cứ các Quyết định số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND Quận Ngô Quyền thực hiện chi trả cho Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng số tiền 298.828.197.433 đồng để Công ty đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu. Tuy nhiên, thành phố chưa cung cấp chi tiết danh mục đền bù tài sản di dời, do đó, Công ty chưa có căn cứ để xác định số tiền phải trả lại cho Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	3.269.600.000.000	70.026.658.714	(613.301.691.109)	1.081.181.705.670	834.858.605.836	740.412.686.002	5.382.777.965.113
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	567.236.425.296	178.143.197.040	745.379.622.336
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	335.285.512.002	(558.663.394.583)	(167.134.914.725)	(390.512.797.306)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	335.285.512.002	(335.285.512.002)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(92.593.882.581)	(19.486.914.725)	(112.080.797.306)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(130.784.000.000)	(147.648.000.000)	(278.432.000.000)
- Tăng khác	-	(6.976.800.000)	-	6.976.800.000	793.165.450	(2.848.859.541)	(2.055.694.091)
31/12/2023	3.269.600.000.000	63.049.858.714	(613.301.691.109)	1.423.444.017.672	844.224.801.999	748.572.108.776	5.735.589.096.052
01/01/2024	3.269.600.000.000	63.049.858.714	(613.301.691.109)	1.423.444.017.672	844.224.801.999	748.572.108.776	5.735.589.096.052
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	313.894.419.487	90.131.699.813	404.026.119.300
- Giảm vốn trong năm nay	-	(10.505.878.988)	-	-	-	-	(10.505.878.988)
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	369.255.708.253	(604.465.013.151)	(110.473.154.118)	(345.682.459.016)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	369.255.708.253	(369.255.708.253)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(104.425.304.898)	(22.273.154.118)	(126.698.459.016)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(130.784.000.000)	(88.200.000.000)	(218.984.000.000)
- Tăng/giảm khác	-	-	-	10.505.878.988	(2.335.701.362)	(3)	8.170.177.623
30/06/2024	3.269.600.000.000	52.543.979.726	(613.301.691.109)	1.803.205.604.913	551.318.506.973	728.230.654.468	5.791.597.054.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế trong kỳ như sau:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/5/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/6/2024 của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ %	30/06/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty CP	92,56	3.026.413.770.000	92,56	3.026.413.770.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	7,44	243.186.230.000	7,44	243.186.230.000
Cộng	100,00	3.269.600.000.000	100,00	3.269.600.000.000

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	218.984.000.000	278.432.000.000

20.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	326.960.000	326.960.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài:

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 4 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng và dịch vụ ăn uống. Diện tích khu đất thuê là 2.276,8 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thửa đất trên đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Công ty đã nộp hồ sơ đề xin gia hạn tiếp tục được thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh lên Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng đã trình lên UBND thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên UBND Thành phố Hải Phòng trả lời không gia hạn cho thửa đất trên, vì nằm trong kế hoạch di dời Cảng Hải Phòng từ 2020-2025 và nằm trong quy hoạch Nam Sông Cấm do vậy Sở Tài nguyên & môi trường không ký gia hạn hợp đồng thuê đất cho Cảng Hải Phòng.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, hiện nay là Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, diện tích sử dụng là: 236.820,2 m². Khu đất này Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng Container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích chấp hành tốt quy định về luật đất đai.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 9 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật Cảng Hải Phòng từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

a) Tài sản thuê ngoài (Tiếp):

- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

- Thửa đất tại số 02 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ nối liền giữa đường Hoàng Diệu và đường Lê Thánh Tông với tổng diện tích quản lý và sử dụng là 329.613,9 m². Trong đó, diện tích sử dụng sản xuất kinh doanh là 154.127,3 m². Diện tích còn lại là 175.486,6 m² là khu vực ga phân loại trong cảng gồm 07 làn đường sắt, 01 trạm cân toa và hành lang đường sắt chạy dọc trong cảng, đường giao thông trong cảng. Khu vực bãi phòng không trại pháo 37 ly và 03 hầm trú ẩn tập thể do Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng quản lý. Hiện nay khu đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy hoạch di dời cảng để thực hiện dự án Nam Sông Cấm. Công ty được tiếp quản thửa đất này từ năm 1955 (Cảng chính) và đang làm trụ sở kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu.

- Công ty được giao thửa đất tại Khu hậu cần Bến Gót - Cột Hải theo Quyết định số 425/QĐ-UBND Thành phố Hải Phòng ngày 27/02/2006. Diện tích khu đất là 5.299 m². Công ty đã hoàn thiện hồ sơ để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng khu nhà hậu cần phục vụ khu neo đậu chuyển tải cho cán bộ nhân viên của Công ty khi làm hàng chuyển tải tại đây. Ngày 05/4/2017, UBND huyện Cát Hải có Thông báo số 480/TB-UBND thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) do Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ làm chủ đầu tư, vì vậy thửa đất không đưa vào sử dụng. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án thu hồi thửa đất này. Hiện nay thửa đất này không phải trả tiền thuê đất.

b) Ngoại tệ các loại:

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Dollar Mỹ (USD)	377.951,56	772.802,82
- Euro (EUR)	5,14	5,14
- Yên Nhật (JPY)	1.593,00	1.593,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết của HĐQT	4.264.424.959	4.037.612.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
a) Doanh thu	1.231.185.102.757	1.027.697.241.298
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.231.185.102.757	1.027.697.241.298
Cộng	1.231.185.102.757	1.027.697.241.298
b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.2		

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	751.786.090.677	584.819.771.255
Cộng	751.786.090.677	584.819.771.255

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.356.322.119	90.168.467.356
- Lãi bán khoản đầu tư	4.199.137.279	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.949.734.207	6.569.796.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	14.503.826.205	12.730.725.266
- Doanh thu tài chính khác	11.920	-
Cộng	64.009.031.730	109.468.989.122

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí lãi vay	3.013.666.250	3.425.922.059
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.615.180.345	2.822.411.594
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	369.359.063
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.461.131.012)	20.000.000
Cộng	9.167.715.583	6.637.692.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	20.547.055.000	1.348.813.113
- Tiền phạt đền bù thiệt hại tài sản (*)	107.700.000	128.917.500.000
- Tiền phạt chậm giao hàng	-	5.130.208.295
- Tiền điện cho thuê ngoài	611.561.538	482.442.080
- Các khoản khác	228.190.219	869.138.701
Cộng	21.494.506.757	136.748.102.189

(*) Trong đó, khoản nhận tiền đền bù giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với Công ty TNHH Tiger Gas (HK) liên quan đến sự cố tàu Tiger Maanshan là 128.917.500.000 đồng.

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Các khoản bị phạt	878.596	1.436.752
- Chi phí đền bù tổn thất	-	66.829.457.064
- Các khoản chi phí khác	238.376.431	111.699.840
Cộng	239.255.027	66.942.593.656

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	95.980.995.733	89.268.244.407
- Chi phí nhân viên quản lý	63.059.428.758	55.729.624.682
- Chi phí vật liệu quản lý	291.275.387	667.926.049
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.516.993.206	2.905.624.346
- Chi phí dự phòng	451.539.470	1.776.694.961
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.364.495.316	3.043.478.066
- Chi phí bằng tiền khác	20.297.263.596	25.144.896.303
Cộng	95.980.995.733	89.268.244.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	107.567.581.605	91.795.124.238
- Chi phí nhân công	426.957.698.746	358.316.929.697
- Khấu hao tài sản cố định	108.869.532.392	100.068.005.379
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.792.103.678	74.103.557.066
- Chi phí bằng tiền khác	118.580.169.989	49.804.399.282
Cộng	847.767.086.410	674.088.015.662

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	47.110.765.143	48.661.575.463
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	36.545.711.962	40.451.372.669
- Công ty Cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng	1.160.803.015	1.307.298.460
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	7.284.353.529	3.162.134.758
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ cảng Hải Phòng	27.087.730	-
Cộng	92.128.721.379	93.582.381.350

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

31.1. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	73.168.079.180	71.168.909.910
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng (Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, 5, bãi Container và gói thiết bị)	14.633.615.836	14.233.781.982
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.633.615.836	14.233.781.982
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	9.733.381.971	9.249.161.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

31.2. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	801.314.296	130.859.805
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(399.833.854)	(399.833.854)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(317.093.852)	13.442.304.969
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	84.386.590	13.173.330.920

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	313.894.419.487	332.218.532.731
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	960	1.016

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa Vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.

- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 30/6/2024 là 279,7 tỷ VND và 150,47 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:

+ Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.

+ Giảm số trích trước chi phí phải trả đối chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

+ Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng Phải thu khác tương ứng. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 8)

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.

- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:

+ Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.

+ Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.

+ Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.

- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.

- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 7642/VPCP-CN yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan.

- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 17/11/2023, Cảng hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:

+ Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.

- Bộ Giao thông vận tải đã thống nhất chủ trương trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phương án giao tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác. Tuy nhiên, Vụ Kết cấu hạ tầng có trao đổi phương án báo cáo đề xuất Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phê duyệt riêng cho trường hợp của Cảng Hải Phòng là không khả thi do nội dung trình/duyet trái với nội dung quy định tại Nghị định 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012: “Đối với kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đưa vào khai thác, sử dụng trước ngày 01 tháng 9 năm 2006 do Thủ tướng Chính phủ quyết định” và “Đối với kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đưa vào khai thác, sử dụng từ ngày 01 tháng 9 năm 2006 trở đi được thực hiện cho thuê khai thác theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.”. Vì vậy, việc sửa đổi Nghị định là điều kiện tiên quyết để có thể giải quyết được đề xuất của Cảng Hải Phòng.

- Hiện tại, Bộ Tài chính đang xin ý kiến các cơ quan liên quan để sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

- Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018).

- Đối với nguồn vốn hình thành tài sản, dự kiến sau khi Nghị định mới được ban hành, Vụ Kết cấu hạ tầng sẽ có văn bản báo cáo để Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hiện tại Bộ Giao thông vận tải đang xem xét đề xuất phương án tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp hay phương án giao Cảng Hải Phòng nhận nợ và trả nợ vay.

- Đến thời điểm 30/6/2024, các vấn đề trên vẫn chưa được giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cùng Công ty mẹ
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty CP HPH Logistics	Công ty liên kết
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
- Ban quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác:

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thù lao Hội đồng quản trị		650.000.000	600.000.000
Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	-	-
Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	70.000.000	120.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	70.000.000	120.000.000
Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	70.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	70.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	50.000.000	-
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	50.000.000	-
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	50.000.000	-
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	50.000.000	-
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	50.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát		120.000.000	120.000.000
Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	-	-
Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	-	-
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý		3.217.903.497	4.108.519.406
Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	559.893.662	605.359.073
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	210.547.650	371.103.534
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	550.858.574	594.221.549
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	396.513.640	441.842.537
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	406.340.016	448.583.791
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	398.523.437	442.535.668
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	444.334.178
Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	350.477.016	389.435.542
Bà Đào Thị Thu Hà	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm từ 15/4/2024)	344.749.502	371.103.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.407.792.490	24.339.889.783
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	15.481.043.902	11.232.970.540
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	794.801.000	220.547.010
- Công ty CP VIMC Logistics	732.966.000	1.074.280.678
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	8.410.000	8.570.000
- Công ty CP HPH Logistics	4.869.927.135	4.377.679.750
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	120.296.188	6.446.436.262
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	64.450.000	83.735.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.849.374.665	270.036.087
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ hàng hải Phương Đông	-	116.303.456
- Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	9.476.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	559.793.600	418.186.000
- Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc - Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng Hải Việt Nam	119.383.000	91.145.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	794.801.000	-
- CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	3.070.000	-
Mua dịch vụ	7.115.361.431	8.513.956.669
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	1.555.148.000	-
- Công ty CP HPH Logistics	542.552.527	98.772.363
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	302.829.988	1.034.247.272
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	1.157.720.800	3.175.226.190
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	698.720.000	-
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	2.499.564.000
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.740.394.116	2.740.394.116
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	117.996.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.571.308.320	1.879.200.000
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	-	1.879.200.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	1.571.308.320	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	20.993.113.225	18.023.557.385
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	71.928.000	78.037.141
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	5.111.326.829	4.799.514.453
- Công ty CP HPH Logistics	4.589.113.419	4.455.304.425
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.997.324.638	261.426.912
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	-	106.818.480
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	5.136.490.452	4.842.825.807
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	491.538.880	32.151.600
- Công ty Cổ phần Vận tải container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.595.391.007	3.447.478.567
Phải trả cho người bán	239.620.463	16.053.552
- Công ty CP HPH Logistics	239.620.463	16.053.552
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	327.056.386	-
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	21.000.000	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	35.441.280	-
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	-	186.444.720
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP- Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	632.131.560	594.804.860

34.3 NỢ TIỀM TÀNG

Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đang nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.3 NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty. Khi cơ quan quản lý Nhà nước có quyết định chính thức về hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty có thể phát sinh các khoản chi phí khấu hao và lãi vay phải trả trong thời gian dừng ghi nhận nêu trên.

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu



Đào Phương Mai

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà



Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG

Số: 2898 /CHP-TCKT

V/v giải trình biến động kết quả kinh
doanh 6 tháng năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét với năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm	
		Năm 2024	Năm 2023
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	285.473.539.066	296.192.393.512
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	404.026.119.300	455.616.256.464

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023 trên Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu do Lợi nhuận từ hoạt động khác. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con của Cảng Hải Phòng phát sinh khoản lợi nhuận khác từ tiền đền bù tổn thất trong 06 tháng đầu năm 2023.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *ĐH*

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



Nguyễn Tường Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2899 /CHP-TCKT

Hải Phòng, ngày 21 tháng 08 năm 2024

“V/v giải trình kết luận ngoại trừ của
kiểm toán trong BCTC bán niên năm
2024 đã được soát xét”

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty như sau:

Kết luận: “*Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình "* (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng. Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đang nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ



quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2024.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty”

Kết luận ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/07/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC từ năm 2014 đến năm 2023. Cho đến ngày 30/06/2024, Cơ quan quản lý chưa phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ nên vẫn tồn tại kết luận kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như để Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *JH*

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.



Nguyễn Tường Anh